

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM, LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI TOÀN TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

| STT                                              | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                    | Ghi chú |
|--------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (47 TTHC)</b>     |          |                                                                                             |         |
| <b>LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM (01 TTHC)</b> |          |                                                                                             |         |
| 1                                                | 1.013845 | Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm |         |
| <b>LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG (01 TTHC)</b>  |          |                                                                                             |         |
| 1                                                | 1.009249 | Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền                        |         |
| <b>LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG (13 TTHC)</b>          |          |                                                                                             |         |
| 1                                                | 2.000655 | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng                                                       |         |

|    |          |                                                                                                                                                                                              |  |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 2  | 1.013037 | Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                                                                                 |  |
| 3  | 1.013036 | Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                                                                                     |  |
| 4  | 1.004070 | Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                                              |  |
| 5  | 1.004062 | Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                                              |  |
| 6  | 1.003580 | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II                                                                                                                       |  |
| 7  | 1.002944 | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                                                 |  |
| 8  | 1.002467 | Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm                                                                         |  |
| 9  | 1.013034 | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng                                                                                                                                                         |  |
| 10 | 2.000997 | Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng                                                                                                                       |  |
| 11 | 1.013035 | Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV |  |

|                                      |          |                                                                                                                                                                  |  |
|--------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 12                                   | 1.002204 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người                                                                |  |
| 13                                   | 1.001386 | Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng                                                                                          |  |
| <b>LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH (32 TTHC)</b> |          |                                                                                                                                                                  |  |
| 1                                    | 1.013898 | Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) .                          |  |
| 2                                    | 1.013896 | Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá.           |  |
| 3                                    | 1.013895 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . |  |
| 4                                    | 1.013894 | Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá                                                                                                      |  |
| 5                                    | 1.013893 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.                                                             |  |
| 6                                    | 1.013892 | Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                          |  |
| 7                                    | 1.013891 | Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .                                                   |  |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                         |  |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 8  | 1.013890 | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động                                                                                                                                                  |  |
| 9  | 1.013889 | Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu                                                               |  |
| 10 | 1.013887 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .                                                                        |  |
| 11 | 1.013886 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu                                                                                     |  |
| 12 | 1.013884 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.                                                                                                                            |  |
| 13 | 1.013883 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu . |  |
| 14 | 1.013881 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .                                                                                               |  |
| 15 | 1.013880 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .                                                                                            |  |
| 16 | 1.013879 | Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.                                                                                                                                     |  |

|    |          |                                                                                                                                                                                         |  |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 17 | 1.013878 | Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.                                                                                                       |  |
| 18 | 1.013875 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .                                                                        |  |
| 19 | 1.013874 | Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .                                                                                  |  |
| 20 | 1.013873 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.                                                                                                        |  |
| 21 | 1.013872 | Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .                                                                  |  |
| 22 | 1.013870 | Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .                                                             |  |
| 23 | 1.013869 | Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.                                                                                                        |  |
| 24 | 1.013868 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất. |  |
| 25 | 1.013867 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .               |  |
| 26 | 1.013866 | Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                                                           |  |

|    |          |                                                                                                                        |  |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 27 | 1.013865 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm. |  |
| 28 | 1.013864 | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp                                                         |  |
| 29 | 1.013860 | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp                                                |  |
| 30 | 2.000972 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt                                                                    |  |
| 31 | 2.000981 | Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa                                                                                        |  |
| 32 | 2.000993 | Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải                                                                             |  |

**Tổng số TTHC công bố: 47 TTHC**